

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019

Tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 20



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Văn phòng Công ty đã điều hành Văn phòng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên
Ông Song Li Wei	Thành viên
Ông Trần Anh Thái	Thành viên

Giám đốc

Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc (Bãi nhiệm ngày 26/03/2019)
Ông Lê Hải Đường	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/03/2019)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công ty:

Ông Zhang Zheng Ming	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 26/03/2019
Ông Lê Hải Đường	Từ ngày 26/03/2019 đến ngày lập báo cáo này

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Văn phòng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Văn phòng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Giám đốc Văn phòng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 12, tòa nhà Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Hải Đường
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019

Số: 332 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 02 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc Văn phòng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2019, Văn phòng Công ty có một số khoản công nợ khách hàng đã quá hạn thanh toán với giá trị là 3.235.223.709 VND. Tuy nhiên, Văn phòng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập cho các khoản phải thu này và các ảnh hưởng khác, nếu có, đến các chỉ tiêu khác được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1, mục “Hoạt động liên tục” của Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ: Tại ngày 30/06/2019, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 10,02 tỷ VND; Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thấp; Nợ phải thu quá hạn thanh toán là 3,235 tỷ VND; Đây là các yếu tố dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Theo đánh giá của Giám đốc, Văn phòng Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và kế hoạch kinh doanh năm tới là khả quan, theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.933.501.773	19.491.437.500
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.454.307.769	1.236.149.627
1. Tiền	111	4	1.454.307.769	1.236.149.627
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.007.440.059	17.957.452.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	10.243.512.547	14.313.206.719
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		234.100.000	42.750.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		12.566.667	11.566.667
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	4.361.375.023	4.361.375.024
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.563.155.483	3.635.823.689
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.407.269.661)	(4.407.269.661)
III. Hàng tồn kho	140	9	382.616.519	228.338.842
1. Hàng tồn kho	141		382.616.519	228.338.842
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		89.137.426	69.496.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	60.215.838	66.702.249
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.127.244	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	2.794.344	2.794.344
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.924.060	123.316.786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		57.500.000	50.000.000
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		50.000.000	50.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	7.500.000	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	-
- Nguyên giá	222		525.112.545	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.112.545)	(525.112.545)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	9	69.529.614	69.529.614
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		69.529.614	69.529.614
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.894.446	3.787.172
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.894.446	3.787.172
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		16.071.425.833	19.614.754.286

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.943.926.954	8.550.067.937
I. Nợ ngắn hạn	310		5.649.926.954	8.256.067.937
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.707.296.711	6.292.210.098
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.788.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	18.084.534	274.658.660
4. Phải trả người lao động	314		101.325.127	85.534.182
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	35.212.828	15.657.243
II. Nợ dài hạn	330		294.000.000	294.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	294.000.000	294.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.127.498.879	11.064.686.349
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	10.127.498.879	11.064.686.349
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.019.367.709)	(9.082.180.239)
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(9.082.180.239)	(10.025.362.489)
- Lợi nhuận/(lỗ) kỳ này	421b		(937.187.470)	943.182.250
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		16.071.425.833	19.614.754.286



Lê Hải Đường
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019

Trương Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		237.099.091	619.371.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	237.099.091	619.371.536
4. Giá vốn hàng bán	11	18	177.467.273	389.979.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		59.631.818	229.391.845
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		825.631	146.029
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	989.795.944	857.477.701
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(929.338.495)	(627.939.827)
11. Thu nhập khác	31		-	300.000
12. Chi phí khác	32		7.848.975	2.054.235.325
13. Lỗ hoạt/(Lỗ) động khác (40 = 31 - 32)	40		(7.848.975)	(2.053.935.325)
14. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(937.187.470)	(2.681.875.152)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(937.187.470)	(2.681.875.152)



Lê Hải Đường
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019

Trương Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(937.187.470)	943.182.250
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(825.631)	(266.386)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(938.013.101)	942.915.864
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.916.385.134	(7.297.233.832)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(154.277.677)	244.654.992
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.606.140.983)	2.894.722.632
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(620.863)	(64.685.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	217.332.510	(3.279.625.595)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	825.631	266.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	825.631	266.386
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	218.158.141	(3.279.359.209)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.236.149.627	4.515.508.836
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.454.307.768	1.236.149.627



Lê Hải Đường
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019

Trương Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007; Đăng ký thay đổi mới nhất lần thứ 11 số 0102403985 ngày 31 tháng 05 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký là 20.000.000.000 VND tương ứng với 2.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần 10.000 VND.

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty: Tầng 12, tòa nhà Charmvit, số 117, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 8 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8 người).

Cổ phiếu của Văn phòng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PPE.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Văn phòng Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện, cơ sở hạ tầng và đường dây, trạm biến áp và xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình dân dụng và kỹ thuật khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính: Tư vấn và thiết kế xây dựng; Thi công công trình, kỹ thuật khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hoạt động liên tục

Tại thời điểm ngày 30/06/2019, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 10,02 tỷ VND, nợ phải thu quá hạn thanh toán là 3,235 tỷ VND, hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty bị thu hẹp, ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Theo đánh giá của Giám đốc, Văn phòng Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và kế hoạch kinh doanh kỳ tới là khả quan, theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Ngoài Văn phòng Công ty, Công ty có một đơn vị thành viên trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Trung tâm Tư vấn PVPE	Số 302 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Chế độ Kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Văn phòng Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Văn phòng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là khoản phải thu tương ứng với doanh thu của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ (không phải hoá đơn), không phải chờ khách hàng xác nhận do Văn phòng Công ty tự lập mà trong hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Dự phòng các khoản lỗ hợp đồng được lập dự vào đánh giá của Giám đốc về các khoản hợp đồng đã thoả thuận trừ đi chi ước tính để hoàn thành dự án. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho các dự án đang thực hiện. Chi phí sản xuất dở dang quá một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn.

Các khoản trả trước

Các khoản trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước phục vụ hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Đối với công cụ, dụng cụ phân bổ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ tương ứng với thời gian không quá 3 năm đối, đối với chi phí trả trước phân bổ theo thời hạn hợp đồng.

Văn phòng Công ty căn cứ vào thời gian hợp đồng và thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí để phân loại vào chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn và không thực hiện phân loại lại tại thời điểm báo cáo.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian sử dụng hữu ích (năm)</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Văn phòng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 30/06/2019, trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 10.019.367.709 VND. Văn phòng Công ty tự xác định số lỗ tính thuế là 5.767.131.575 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Văn phòng Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Văn phòng Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	376.534	318.035
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.453.931.235	1.235.831.592
Cộng	1.454.307.769	1.236.149.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	10.243.512.547	14.313.206.719
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.006.744.000	7.825.935.000
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	1.583.661.390	3.813.661.390
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc	1.218.910.405	1.218.910.405
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	1.020.503.162
Khách hàng khác	434.196.752	434.196.762
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	9.044.845.405	12.660.099.552
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.825.935.000	7.825.935.000
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	1.218.910.405	3.813.661.390
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	1.020.503.162

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	4.361.375.023	4.138.319.061	4.361.375.024	4.138.319.061
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061
Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	223.055.962	-	223.055.963	-

Ghi chú:

- (i) Phản ánh các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng của dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận lần lượt từ các năm 2013, 2015 căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định, đến nay chưa được nghiệm thu và xác nhận bởi chủ đầu tư. Theo đánh giá của Giám đốc, Văn phòng Công ty vẫn đang trong quá trình thương thảo và quyết toán khối lượng phát sinh thực tế với chủ đầu tư. Do đó khả năng thu hồi của các khoản này không chắc chắn và phải phụ thuộc vào kết quả đàm phán trong tương lai. Văn phòng Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng các khoản này nếu trong thời gian tới không được tiến hành nghiệm thu với chủ đầu tư.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	3.563.155.483	268.950.600	3.635.823.689	268.950.600
Zhang Zheng Ming (i) - Bên liên quan	3.237.227.883	-	3.255.299.938	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	268.950.600	268.950.600	268.950.600
Tạm ứng công nhân viên	53.977.000	-	56.231.500	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	3.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	5.341.651	-
b) Phải thu khác dài hạn	7.500.000	-	-	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	7.500.000	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Khoản tạm ứng cho ông Zhang Zheng Ming - Chủ tịch Hội đồng quản trị để phục vụ hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nợ xấu	4.407.269.661	-	4.407.269.661	-
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	-	4.138.319.061	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	-	268.950.600	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	382.616.519	228.338.842
Công trình bãi thải xỉ của nhà máy nhiệt điện Thái Bình	227.871.953	176.771.680
Tư vấn giám sát Logistics Bắc Giang	87.874.566	51.567.162
Hoàn thiện nội thất căn 1802 tòa R1 Goldmark City	66.870.000	-
b) Dài hạn	69.529.614	69.529.614
Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình	69.529.614	69.529.614

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	60.215.838	66.702.249
Các khoản khác	60.215.838	66.702.249
b) Dài hạn	10.894.446	3.787.172
Các khoản khác	10.894.446	3.787.172

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Số cuối kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Số cuối kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 với giá trị là 525.112.545 VND (tại ngày 31/12/2018 là 525.112.545 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	3.707.296.711	3.707.296.711	6.292.210.098	6.292.210.098
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567
Công ty Cổ phần Kinh Bắc CNJ	643.873.200	643.873.200	2.929.080.200	2.929.080.200
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	556.045.763	556.045.763	556.045.763	556.045.763
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc	303.218.000	303.218.000	303.218.000	303.218.000
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD Thủy lợi Việt Nam	340.489.681	340.489.681	340.336.868	340.336.868
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh	171.244.500	171.244.500	171.244.500	171.244.500
Đối tượng khác	22.000.000	22.000.000	321.859.200	321.859.200

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>a) Người mua trả tiền trước</i>	1.788.007.754	1.588.007.754
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ông Tô Ngọc Sơn	200.000.000	-
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu				
Thuế TNDN	2.794.344	-	-	2.794.344
Cộng	2.794.344	-	-	2.794.344
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	256.900.611	256.900.611
Thuế TNCN	18.084.534	14.565.115	14.238.630	17.758.049
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	18.084.534	17.565.115	274.139.241	274.658.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	35.212.828	15.657.243
Các khoản trích theo lương	6.666.828	5.422.566
Phải trả ngắn hạn khác	28.546.000	10.234.677
b) Phải trả dài hạn khác	294.000.000	294.000.000
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	294.000.000	294.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHCĐ-TVĐLDK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 có số dư tại ngày 31/12/2018 là 294.000.000 VND. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Văn phòng Công ty xác định khoản phải trả cổ đông này chưa phải chi trả trong 12 tháng tiếp theo nên phân loại đây là khoản phải trả dài hạn.

16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	20.000.000.000	146.866.588	(10.025.362.489)	10.121.504.099
Lãi trong kỳ	-	-	943.182.250	943.182.250
Số dư đầu kỳ này	20.000.000.000	146.866.588	(9.082.180.239)	11.064.686.349
Lỗ trong kỳ	-	-	(937.187.470)	(937.187.470)
Số dư cuối kỳ này	20.000.000.000	146.866.588	(10.019.367.709)	10.127.498.879

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 22/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Văn phòng Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2019, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Chi tiết góp vốn của các cổ đông

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	4.980.000.000	24,90%	4.980.000.000	24,90%
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	1.919.000.000	9,60%	1.919.000.000	9,60%
Ông Zang Ping	1.431.000.000	7,16%	1.431.000.000	7,16%
Các cổ đông khác	11.670.000.000	58,35%	11.670.000.000	58,35%
Tổng cộng	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	237.099.091	619.371.536
Cộng	237.099.091	619.371.536

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	177.467.273	389.979.691
Cộng	177.467.273	389.979.691

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	657.227.101	583.785.354
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.851.400	27.537.218
Các khoản chi phí QLDN khác	322.717.443	243.155.129
Cộng	989.795.944	857.477.701

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.870.000	-
Chi phí nhân công	743.534.505	883.720.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.318.673	211.864.509
Chi phí khác	323.817.716	248.698.311
Cộng	1.321.540.894	1.344.283.521

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ	-	-

G TY
HH
TOÁN
CO
HỒ H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

22. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Văn phòng Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế tính thuế	5.767.131.575	4.829.944.105

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến cuối năm để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Văn phòng Công ty. Do Văn phòng Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Văn phòng Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

<u>Năm phát sinh lỗ tính thuế</u>	<u>Thời gian được chuyển lỗ</u>	<u>Số lỗ tính thuế phát sinh</u>	<u>Số lỗ tính thuế đã chuyển</u>	<u>Số lỗ tính thuế còn được chuyển</u>
Năm 2016	2017 - 2021	1.890.233.575	(943.182.250)	947.051.325
Năm 2017	2018 - 2022	3.882.892.780	-	3.882.892.780
Kỳ này	2019 -2023	937.187.470	-	937.187.470
Cộng		6.710.313.825	(943.182.250)	5.767.131.575

Công ty hiện chưa thực hiện quyết toán thuế từ khi thành lập đến nay.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Phó Giám đốc Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang

Thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Văn phòng Công ty

Lãnh đạo chủ chốt

Ngoài số dư được trình bày ở Thuyết minh số 5, 7 của phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Văn phòng Công ty có nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

Bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	237.099.091	232.623.927

Thu nhập của Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	138.361.400	108.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (i) Kỳ này
VND
169.901.344

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng thuê văn phòng số ST-0519-164 ngày 01/05/2019 ký giữa Văn phòng Công ty và Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội với diện tích thuê là 79,01 m² tại Phòng 9A (ô số 01), tầng 12 nằm trong tòa nhà Văn phòng Charm Vit Tower - 116 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Thời hạn thuê từ ngày 01/05/2019 đến ngày 14/08/2020; Đơn giá thuê là 370.000 VND/m²/tháng (tương đương 16 USD/m²/tháng); Phí quản lý hàng tháng là 129.250 VND/m²/tháng (tương đương 5,5 USD/m²/tháng).
- (ii) Hợp đồng thuê nhà ngày 09/01/2019 ký giữa Văn phòng Công ty và Bà Đào Minh Phương với diện tích thuê là 90m² tại căn hộ P903B, Nhà CT3B, Dự án khu nhà ở để bán Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Thời hạn thuê là 2 năm kể từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/01/2021; Đơn giá thuê là 7.500.000 VND/tháng.

Tại ngày 30/06/2019, Văn phòng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND
Trong vòng 1 năm	<u>569.037.630</u>
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	<u>108.629.704</u>
Cộng	<u>677.667.334</u>


25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.



Lê Hải Đường
Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019


Trương Thị Hải Yến
Kế toán trưởng


Trương Thị Hải Yến
Người lập biểu